

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy sản xuất sợi, vải Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM) - cho thuê nhà xưởng dư thừa với quy mô 40.001,7 m² tại lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, Khu công nghiệp Chơn Thành I, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM) làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 17.2023/CV-SC ngày 07 tháng 9 năm 2023 và Công văn số 30.2023/CV-SC ngày 05 tháng 10 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 511/TTr-STNMT ngày 13 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM) (sau đây gọi là Chủ dự án) (địa chỉ: Lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, Khu công nghiệp Chơn Thành I, Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất sợi, vải Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM) - Cho thuê nhà xưởng dư thừa với quy mô 40.001,7 m² tại lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, Khu công nghiệp Chơn Thành I, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất sợi, vải Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, Khu công nghiệp Chơn

Thành I, Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 3801173190 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 10 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3801173190.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích mặt đất sử dụng là 40.001,7 m².

- Quy mô: Cho thuê nhà xưởng dư thừa. Trong đó:

+ Hạng mục do Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý và vận hành: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 2.500 m³/ngày với diện tích 900 m², 500 m² nhà xưởng 1 (chưa cho thuê) và 08 m² kho chứa chất thải nguy hại.

+ Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon thuê diện tích 38.593,7 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 19. tháng 10 năm 2023 đến ngày 19. tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2802/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND thị xã Chơn Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên cổng thông tin điện tử tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Một thành viên Silver Coast (VIETNAM);
- Lưu: VT(BH-45-GPMT-18/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~128~~./GPMT-UBND
ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải và công nhân viên của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon.

- Nguồn số 02: Nước rỉ từ máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải thu gom từ Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon.

Nguồn số 1, số 2 và số 3 được nhập chung vào hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương đào (kênh) dẫn ra suối Hồ Đá về hướng Tây Nam của dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 537389; Y = 1259417 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2.500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy và xả mặt vào ven bờ. Nước thải sau xử lý dẫn về mương quan trắc tự động sau đó được dẫn theo đường cống ngầm D600, chiều dài khoảng 1.270 m dọc theo vỉa hè đường số 10 của Khu công nghiệp Chơn Thành I ra mương đào (kênh) dẫn về suối Hồ Đá theo hướng Tây Nam của dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm, $104,17 \text{ m}^3/\text{giờ}$, 300 ngày/năm.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	Màu	Pt/Co	50

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
3	pH	-	6 - 9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	27
5	COD	mg/l	67,5
6	TSS	mg/l	45
7	Tổng nitơ	mg/l	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
9	Amonia (tính theo N)	mg/l	4,5
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
12	Tổng phenol	mg/l	0,09
13	Sunfua	mg/l	0,18
14	Asen (As)	mg/l	0,045
15	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045
16	Chì (Pb)	mg/l	0,09
17	Crom (VI)	mg/l	0,18
18	Crom (III)	mg/l	0,045
19	Đồng (Cu)	mg/l	1,8
20	Kẽm (Zn)	mg/l	2,7
21	Niken (Ni)	mg/l	0,18
22	Sắt (Fe)	mg/l	0,9
23	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống đường ống HDPE có kích thước Ø200, dài khoảng 220,8 m và ống Ø300, dài khoảng 281,1 m để tiếp tục xử lý. Chủ dự án đã xây dựng 02 bể tự hoại tại khu vực sản xuất (tổng thể tích 100 m³) và 01 bể tại khu vực văn phòng (thể tích 50 m³). Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Một thành viên Future Tycoon (đơn vị thuê nhà xưởng) được thu gom bằng hệ thống thu gom nước thải là mương bê tông có nắp đan, đường kính 500 mm, sau đó theo đường ống HDPE Ø200 - Ø300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ quá trình ép bùn được dẫn bằng đường ống D140, dài khoảng 16 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và hoạt động cho thuê

nhà xưởng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Tách rác thô → Hồ bơm → Tách rác tinh → Bể tiếp nhận → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động → Nguồn tiếp nhận (mương đào dẫn ra suối Hồ Đá).

Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$) trước khi xả ra mương đào (kênh) dẫn ra suối Hồ Đá về hướng Tây Nam của dự án.

- Công suất thiết kế hệ thống: 2.500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: $\text{Ca}(\text{OCl})_2$, $(\text{C}_3\text{H}_5\text{ON})_n$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc tự động.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, COD, TSS, amoni.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để theo dõi, giám sát.

Chủ dự án đã hoàn thành việc lắp đặt và kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi xảy ra sự cố, toàn bộ nước thải chưa đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$) được bơm về hồ sự cố (hồ chia làm 02 ngăn, mỗi ngăn có dung tích 900 m³) để lưu chứa trong thời gian chờ khắc phục sự cố. Nếu thời gian khắc phục kéo dài dẫn đến hồ sự cố quá tải, Chủ dự án bơm nước thải về 03 cụm bể của hệ thống xử lý nước thải (bể điều hòa dung tích 1.338,7 m³, bể aerotank dung tích 1.767,1 m³ và bể lắng bùn sinh học dung tích 1.389,2 m³) để lưu chứa. Đồng thời, Chủ dự án thông báo cho Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon để phối hợp và có trách nhiệm tạm thời ngừng các hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải cho đến khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường trở lại.

- Trang bị các thiết bị dự phòng (bơm, bơm định lượng...) cho hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị để kịp thời khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn có thể xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc

hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

3.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1229./GPMT-UBND
ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1 công suất 200 kVA.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2 công suất 200 kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3⁰):

- Nguồn số 1: X = 538428; Y = 1259620.
- Nguồn số 2: X = 538437; Y = 1259614.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 342,85 m³/giờ.
- Nguồn số 02: 342,85 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn (chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	Nitơ oxit, NO ₂ (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Dự án không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1$) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói 1 cao khoảng 6 m, đường kính 76 mm và ống khói 2 cao khoảng 6 m, đường kính 168 mm; ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao; bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép xả ra môi trường.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Chủ dự án phải trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích dự án. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận hành của dự án theo đúng nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo Giấy phép này.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~124~~./GPMT-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của cụm máy (15 máy bơm, 1 máy nén khí, 03 máy thổi khí...) tại hệ thống xử lý công suất 2.500 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Động cơ của máy phát điện dự phòng 1 công suất 200 kVA.
- Nguồn số 03: Động cơ của máy phát điện dự phòng 2 công suất 200 kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3⁰):

- Nguồn số 1: X = 538432; Y = 1259568.
- Nguồn số 2: X = 538428; Y = 1259620.
- Nguồn số 3: X = 538437; Y = 1259614.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân

bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129./GPMT-UBND
ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu phanh thải	15 01 07	Lỏng	15
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	3
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	20
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	50
6	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	70
7	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	100
8	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	500
10	Dầu thải từ thiết bị tách dầu	17 05 04	Lỏng	500
	Tổng			1.278

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng	Đơn vị tính
1	Giấy vụn, carton, nylon	78	Kg/năm
	Tổng khối lượng	78	Kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	2,6
	Tổng khối lượng	2,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích từ 120 lít đến 200 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 08 m². Chất thải được lưu giữ tạm, riêng biệt trong kho chứa chất thải nguy hại có tổng diện tích 40 m² (trong đó: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon thuê 32 m²; còn lại 08 m² do Chủ dự án quản lý

theo Biên bản thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Future Tycoon ngày 01 tháng 10 năm 2018). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái che bằng bê tông, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hồ thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Riêng đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể nén bùn thể tích 183,9 m³ sau đó đưa về máy ép bùn để tách nước từ bùn, làm giảm độ ẩm của bùn. Khu vực nhà để máy ép bùn có diện tích khoảng 35,75 m², kết cấu: bê tông cốt thép có quét vật liệu chống thấm, có mái che.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE loại 120 lít, có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa riêng. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái che bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 120 lít, có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~128~~ 128./GPMT-UBND
ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
5. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.
6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.
7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./